

QUYẾT ĐỊNH

Về việc chấp thuận chủ trương đầu tư giai đoạn 1 dự án Khu dân cư và tái định cư tại ấp Đồng, xã Phước Tân, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 26/11/2014;

Căn cứ Luật Nhà ở ngày 25/11/2014;

Căn cứ Luật Kinh doanh bất động sản ngày 25/11/2014;

Căn cứ Nghị định số 11/2013/NĐ-CP ngày 14/01/2013 của Chính phủ về quản lý đầu tư phát triển đô thị và Thông tư số 20/2013/TTLT-BXD-BNV ngày 21/11/2013 của Bộ Xây dựng và Bộ Nội vụ hướng dẫn một số nội dung của Nghị định số 11/2013/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Nhà ở và Thông tư số 19/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng Hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Luật Nhà ở và Nghị định 99/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 100/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ về phát triển và quản lý nhà ở xã hội và Thông tư số 20/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng Hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định 100/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 76/2015/NĐ-CP ngày 10/9/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Kinh doanh bất động sản;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị quyết số 117/2014/NQ-HĐND ngày 11/7/2014 của Hội đồng Nhân dân tỉnh về điều chỉnh Nghị quyết số 114/2008/NQ-HĐND ngày 24/7/2008 về chương trình phát triển nhà ở trên địa bàn tỉnh Đồng Nai đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020;

Căn cứ văn bản số 1882/BXD-PTĐT ngày 31/8/2016 của Bộ Xây dựng về việc trả lời văn bản số 1109/SXD-QLHĐXD ngày 22/4/2016 của Sở Xây dựng tỉnh Đồng Nai và văn bản số 3500/UBND-CNN ngày 06/5/2016 của UBND tỉnh Đồng Nai;



Căn cứ văn bản số 2552/BXD-PTĐT ngày 14/11/2016 của Bộ Xây dựng về việc cho ý kiến chấp thuận đầu tư và vị trí được chuyển quyền sử dụng đất đã được đầu tư xây dựng hạ tầng tại dự án Khu dân cư và tái định cư tại ấp Đồng, xã Phước Tân, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai;

Xét Tờ trình số 185/TTr-SXD ngày 11/7/2017 của Sở Xây dựng về việc đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư giai đoạn 1 dự án Khu dân cư và tái định cư tại ấp Đồng, xã Phước Tân, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chấp thuận chủ trương đầu tư dự án với những nội dung chủ yếu sau:

1. Tên dự án: Khu dân cư và tái định cư tại ấp Đồng, xã Phước Tân, thành phố Biên Hòa (giai đoạn 1).

2. Tên chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Phát triển hạ tầng An Hưng Phát.

3. Địa điểm, ranh giới, diện tích chiếm đất của dự án:

- Địa điểm: xã Phước Tân, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

- Dự án Khu dân cư và tái định cư tại ấp Đồng, xã Phước Tân, thành phố Biên Hòa giai đoạn 1 có quy mô sử dụng đất khoảng 497.918m², phạm vi ranh đất được giới hạn bởi:

+ Phía Đông: giáp sông Buông, đất dân cư và Quốc lộ 51.

+ Phía Tây: giáp Rạch Ngọn Cây Cao.

+ Phía Nam: giáp sông Buông.

+ Phía Bắc: giáp đất nông nghiệp.

4. Mục tiêu của dự án:

Đầu tư xây dựng mới Khu dân cư theo quy hoạch được đầu tư đồng bộ các loại hình nhà ở trong dự án, các công trình hạ tầng xã hội, các công trình hạ tầng kỹ thuật gắn với các khu vực lân cận, tạo quỹ nhà ở đáp ứng nhu cầu về nhà ở tái định cư cho người dân bị thu hồi đất và nhu cầu nhà ở cho người dân tại khu vực.

5. Hình thức đầu tư: Chủ đầu tư trực tiếp thực hiện và quản lý dự án.

6. Nội dung sơ bộ dự án:

- Quy mô - nội dung đầu tư dự án: Xây dựng hoàn chỉnh dự án theo quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 458/QĐ-UBND ngày 13/02/2015 gồm: xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật, các công trình hạ tầng xã hội và các công trình nhà ở dự kiến phân kỳ đầu tư thành 02 giai đoạn như sau:

+ Nội dung đầu tư giai đoạn 1 của dự án là: xây dựng hoàn chỉnh hệ thống hạ tầng kỹ thuật toàn bộ dự án; bàn giao quỹ đất nhà ở xã hội và tái định cư cho địa phương để bố trí tái định cư và phát triển nhà ở xã hội; xây dựng kinh doanh 1.061 căn nhà thấp tầng, trong đó: xây dựng 388 căn nhà ở liên kế để bán và chuyển nhượng 673 lô đất nền.

+ Nội dung đầu tư giai đoạn 2: xây dựng chung cư, chung cư kết hợp thương mại – dịch vụ (776 căn chung cư) và các công trình hạ tầng xã hội trong dự án (thực hiện thủ tục cấp quyết định chủ trương đầu tư sau).

- Chỉ tiêu, cơ cấu sử dụng đất:

STT	Chức năng sử dụng đất	Diện tích (m ²)	Tầng cao XD (tầng)	Mật độ xây dựng (%)	Số lượng căn hộ
I	Đất ở	208.146	02-20	25-85	2.945
1	Đất ở kinh doanh	160.252	02-20	25-80	1.837
1.1	Nhà liên kế	101.649	02-03	80	956
1.2	Nhà liên kế vườn	11.224	02-03	70	69
1.3	Nhà biệt thự	25.388	02-03	25-50	36
1.4	Chung cư	15.441	18	40	640
1.5	Chung cư kết hợp TMDV	6.550	20	40	136
2	Đất nhà ở xã hội – tái định cư	47.894	02-15	40-85	1.108
2.1	Nhà liên kế tái định cư	36.207	02-03	80-85	404
2.2	Chung cư nhà ở xã hội	11.687	15-18	40	704
II	Đất công trình dịch vụ đô thị	23.742	02-03	40	
1	Nhà trẻ mẫu giáo	3.581	02	40	
2	Trường tiểu học	6.430	02-03	40	
3	Trường Trung học cơ sở	5.401	03-04	40	
4	Nhà trẻ mẫu giáo	3.626	02	40	
5	Văn phòng khu phố	528	01-02	40	
6	Công trình thương mại dịch vụ	4.176	02	40	
III	Đất cây xanh - TDTT	48.695	01	05	
1	Cây xanh cách ly	18.528	01	05	
2	Cây xanh kết hợp hoa viên	15.302	01	05	
3	Cây xanh kết hợp TDTT	14.865	01	05	
IV	Đất giao thông	214.529			
V	Đất hạ tầng kỹ thuật	2.806			

1	Khu xử lý nước thải	1.817	01		
2	Trạm BTS1	587	01		
3	Trạm BTS2	402	01		
	Tổng cộng	497.918			

- Quy mô dân số: khoảng 8.000-9.850 người.

- Mật độ xây dựng, chiều cao công trình:

STT	Loại công trình	Tầng cao XD (tầng)	Mật độ XD (%)
1	Nhà liên kế	02-03	80
2	Nhà liên kế vườn	02-03	70
3	Nhà biệt thự	02-03	25-50
4	Chung cư	18	40
5	Chung cư kết hợp TMDV	20	40
6	Nhà liên kế tái định cư	02-03	80-85
7	Chung cư nhà ở xã hội	15-18	40
8	Nhà trẻ mẫu giáo	02	40
9	Trường tiểu học	02-03	40
3	Trường Trung học cơ sở	03-04	40
10	Nhà trẻ mẫu giáo	02	40
11	Văn phòng khu phố	01-02	40
12	Công trình thương mại dịch vụ	02	40

7. Tổng số nhà ở, tỷ lệ và số lượng của từng loại nhà ở:

- Tổng số lượng căn nhà ở của dự án là: 2.945 căn, trong đó:

+ Số lượng nhà ở thương mại do Công ty Cổ phần Phát triển hạ tầng An Hưng Phát đầu tư, kinh doanh là 1.837 căn, trong đó: nhà liên kế: 965 căn; nhà liên kế vườn: 69 căn; nhà biệt thự: 36 căn; nhà chung cư: 776 căn.

+ Số lượng nhà ở xã hội và tái định cư bàn giao cho địa phương để bố trí tái định cư và phát triển nhà ở xã hội sau khi xây dựng xong hệ thống hạ tầng kỹ thuật là: 1.108 căn, trong đó: nhà liên kế tái định cư: 404 căn; chung cư nhà ở xã hội là 704 căn.

- Tổng số lượng căn nhà ở thương mại giai đoạn 1 của dự án: 1.061 căn với tổng diện tích đất là 138.261m², trong đó:

+ Nhà liên kế: 956 căn, với tổng diện tích đất là 101.649m².

+ Nhà liên kế vườn: 69 căn, với tổng diện tích đất là 11.224m².

+ Nhà biệt thự: 36 căn, với tổng diện tích đất là 25.388m².

8. Phương án tiêu thụ sản phẩm giai đoạn 1 của dự án:

- Bán 388 căn nhà liên kế, với diện tích đất là 42.366 m².
- Chuyển nhượng 673 lô đất nền cho người dân tự xây dựng nhà ở với tổng diện tích đất là 94.955 m², trong đó:
 - + 568 lô đất nền nhà liên kế với tổng diện tích đất khoảng 58.383 m².
 - + 69 lô đất nền nhà phố liên kế vườn với tổng diện tích đất khoảng 11.224m²
 - + 36 lô đất nền nhà biệt thự với tổng diện tích đất khoảng 25.388m².
- Vị trí được chuyển nhượng quyền sử dụng đất: Các lô đất chủ đầu tư được phép chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho người dân tự xây dựng nhà ở sau khi đã đầu tư hoàn chỉnh hạ tầng kỹ thuật theo quy hoạch được duyệt là 673 lô, chiếm tỷ lệ 63,43% trên tổng số 1.061 lô đất nền thương mại của dự án, cụ thể như sau:
 - + Tuyến đường N6 (lộ giới 16m) có 37 lô, trong đó: Lô L4 (13 lô, từ lô 1 đến lô 13), Lô L5 (11 lô, từ lô 1 đến lô 11), Lô L6 (13 lô, từ lô 1 đến lô 13).
 - + Tuyến đường N7 (tộ giới 16m) có 147 lô, trong đó: Lô L9 (12 lô, từ lô 14 đến lô 25), Lô L10 (12 lô, từ lô 13 đến lô 24), Lô L11 (13 lô, từ lô 14 đến lô 26), Lô L12 (12 lô, từ lô 13 đến lô 24), Lô L13 (10 lô, từ lô 11 đến lô 20), Lô L14 (12 lô, từ lô 13 đến lô 24), Lô L15 (12 lô, từ lô 13 đến lô 24), Lô L16 (12 lô, từ lô 13 đến lô 24), Lô L17 (8 lô, từ lô 8 đến lô 15), L18 (13 lô, từ lô 1 đến lô 13), Lô L19 (13 lô, từ lô 1 đến lô 13), Lô L25 (18 lô, từ lô 1 đến lô 18).
 - + Tuyến đường N8 (lộ giới 10.5m) có 26 lô, trong đó: Lô L18 (13 lô, từ lô 14 đến lô 26), Lô L19 (13 lô, từ lô 14 đến lô 26).
 - + Tuyến đường N9 (lộ giới 10.5m) có 26 lô, trong đó: Lô L22 (13 lô, từ lô 1 đến lô 13), Lô L23 (13 lô, từ lô 1 đến lô 13).
 - + Tuyến đường N10 (lộ giới 16m) có 151 lô, trong đó: Lô L22 (13 lô, từ lô 14 đến lô 26), Lô L23 (13 lô, từ lô 14 đến lô 26), Lô L25 (17 lô, từ lô 19 đến lô 35), Lô L26 (18 lô, từ lô 1 đến lô 18), Lô L27 (12 lô, từ lô 1 đến lô 12), Lô L28 (13 lô, từ lô 1 đến lô 13), Lô L29 (10 lô, từ lô 1 đến lô 10), Lô L30 (12 lô, từ lô 1 đến lô 12), Lô L31 (12 lô, từ lô 1 đến lô 12), Lô L32 (12 lô, từ lô 1 đến lô 12), Lô L33 (10 lô, từ lô 1 đến lô 10), Lô L34 (9 lô, từ lô 1 đến lô 9).
 - + Tuyến đường N11 (lộ giới 16m) có 77 lô, trong đó: Lô L37 (12 lô, từ lô 13 đến lô 24), Lô L38 (12 lô, từ lô 13 đến lô 24), Lô L39 (12 lô, từ lô 13 đến lô 24), Lô L40 (10 lô, từ lô 11 đến lô 20), Lô L44 (13 lô, từ lô 1 đến lô 13), Lô B5 (2 lô, từ lô 1 đến lô 2), Lô LV1 (8 lô, từ lô 1 đến lô 8), Lô LV2 (8 lô, từ lô 1 đến lô 8).
 - + Tuyến đường N12 (lộ giới 12.5m) có 7 lô, trong đó: Lô B6 (3 lô, từ lô 1 đến lô 3), Lô B7 (3 lô, từ lô 1 đến lô 3), Lô B8 (1 lô, lô 1).

+ Tuyến đường N13 (lộ giới 16m) có 32 lô, trong đó: Lô LV1 (8 lô, từ lô 9 đến lô 16), Lô LV2 (8 lô, từ lô 9 đến lô 16), Lô LV3 (8 lô, từ lô 1 đến lô 8), Lô LV4 (8 lô, từ lô 1 đến lô 8).

+ Tuyến đường N14 (lộ giới 16m) có 22 lô, trong đó: Lô LV3 (8 lô, từ lô 9 đến lô 16), Lô LV4 (8 lô, từ lô 9 đến lô 16), Lô B1 (3 lô, từ lô 1 đến lô 3), Lô B2 (3 lô, từ lô 1 đến lô 3).

+ Tuyến đường D1 (lộ giới 16m) có 3 lô, trong đó: Lô B8 (3 lô, từ lô 2 đến lô 4).

+ Tuyến đường D2 (lộ giới 16m) có 10 lô, trong đó: Lô L25 (10 lô, từ lô 36 đến lô 45).

+ Tuyến đường D3 (lộ giới 16m) có 15 lô, trong đó: Lô L24 (15 lô, từ lô 16 đến lô 30).

+ Tuyến đường D4 (lộ giới 16m) có 15 lô, trong đó: L24 (15 lô, từ lô 1 đến lô 15).

+ Tuyến đường D5 (lộ giới 12.5m) có 9 lô, trong đó: Lô B3 (3 lô, từ lô 4 đến lô 6), Lô B4 (6 lô, từ lô 7 đến lô 12).

+ Tuyến đường D6 (lộ giới 16m) có 9 lô, trong đó: Lô B3 (3 lô, từ lô 1 đến lô 3), Lô B4 (6 lô, từ lô 1 đến lô 6).

+ Tuyến đường D8 (lộ giới 16m) có 51 lô, trong đó: Lô L20 (15 lô, từ lô 16 đến lô 30), Lô L21 (16 lô, từ lô 17 đến lô 32), Lô L35 (10 lô, từ lô 1 đến lô 10), Lô L36 (10 lô, từ lô 1 đến lô 10).

+ Tuyến đường D9 (lộ giới 16m) có 36 lô, trong đó: Lô L20 (15 lô, từ lô 1 đến lô 15), Lô L21 (16 lô, từ lô 1 đến lô 16), Lô LV5 (5 lô, từ lô 1 đến lô 5).

9. Khu vực để xe công cộng và để xe cho hộ gia đình, cá nhân: bãi đậu xe tập trung tại khu vực để xe trong khuôn viên các công trình công cộng và nhà ở riêng lẻ.

10. Các công trình hạ tầng kỹ thuật của khu vực có dự án: Xây dựng hoàn chỉnh hệ thống hạ tầng kỹ thuật theo quy hoạch gồm: san nền, hệ thống đường giao thông, hệ thống thoát nước mưa, hệ thống thoát nước thải, hệ thống cấp nước, hệ thống cấp điện, điện chiếu sáng, hệ thống thông tin liên lạc,...

11. Các công trình hạ tầng xã hội, gồm:

a) Công trình hạ tầng xã hội do chủ đầu tư xây dựng giai đoạn 1: công viên cây xanh – TĐTT, cây xanh cách ly. Các công trình còn lại: công trình giáo dục, công trình thương mại dịch vụ, trạm BTS sẽ đầu tư trong giai đoạn tiếp theo.

b) Công trình hạ tầng xã hội do chính quyền chịu trách nhiệm xây dựng: không.

12. Diện tích đất dành để xây dựng nhà ở xã hội hoặc diện tích sàn xây dựng nhà ở phải dành để làm nhà ở xã hội (nếu có):

Theo quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 đã được UBND tỉnh duyệt tại Quyết định số 458/QĐ-UBND ngày 13/02/2015 thì quỹ đất nhà ở xã hội - tái định cư là 47.894m² chiếm khoảng 23% diện tích đất ở trong dự án, trong đó diện tích đất để bố trí tái định cư là 36.207m², diện tích đất để xây dựng nhà xây dựng nhà ở chung cư xã hội là 11.687m².

Sau khi đầu tư xây dựng xong hệ thống hạ tầng kỹ thuật, Công ty Cổ phần phát triển hạ tầng An Hưng Phát sẽ bàn giao lại cho địa phương để bố trí tái định cư và phát triển nhà ở xã hội theo quy định hiện hành.

13. Dự kiến tổng mức đầu tư giai đoạn 1 của dự án:

Tổng mức đầu tư dự kiến giai đoạn 1 của dự án khoảng: 744.177.713.109 đồng.

Trong đó:

Chi phí xây dựng: 411.075.664.000 đồng

Chi phí đền bù GPMB: 219.964.167.109 đồng

Chi phí khác: 67.925.971.000 đồng

Chi phí lãi vay: 45.211.911.000 đồng

Tổng cộng: 744.177.713.109 đồng.

14. Nguồn vốn đầu tư: Nguồn vốn tự có của doanh nghiệp và nguồn vốn huy động khác.

15. Thời gian, tiến độ thực hiện giai đoạn 1 của dự án: 10 năm, từ năm 2017 đến hết năm 2026.

16. Ưu đãi của chủ nhà nước: theo quy định hiện hành.

17. Trách nhiệm của nhà đầu tư đối với dự án:

- Tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt giai đoạn 1 dự án và triển khai các công việc tiếp theo phù hợp với các quy định của Luật Nhà ở, pháp luật về xây dựng và pháp luật có liên quan sau khi được chấp thuận chủ trương đầu tư. Tổ chức lập hồ sơ đề xuất đầu tư giai đoạn 2 của dự án trình cấp có thẩm quyền xem xét, chấp thuận chủ trương đầu tư làm cơ sở thực hiện các bước tiếp theo, sớm hoàn chỉnh toàn bộ dự án.

- Thực hiện ký quỹ để thực hiện dự án theo quy định; đóng tiền bảo lãnh thực hiện giao dịch nhà ở theo quy định của pháp luật về kinh doanh bất động sản; bảo đảm năng lực tài chính để thực hiện dự án theo quy định của pháp luật.

- Xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội và nhà ở thuộc giai đoạn 1 của dự án theo đúng quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 UBND tỉnh phê duyệt và các quy định trong kết quả báo cáo đánh giá tác động môi trường được duyệt; nội dung quyết định chủ trương giai đoạn 1 dự án của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, tuân thủ thiết kế, tiêu chuẩn diện tích nhà ở và tiến độ của dự án đã được phê duyệt.

- Dành 20% quỹ đất ở trong dự án để phát triển nhà ở xã hội theo quy định, bàn giao quỹ đất nhà ở xã hội và tái định cư trong dự án cho địa phương để bố trí tái định cư và phát triển nhà ở xã hội sau khi đầu tư xây dựng hoàn chỉnh hệ thống hạ tầng kỹ thuật cho địa phương quản lý.

- Chỉ được phép thực hiện chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho tổ chức kinh tế, hộ gia đình, cá nhân sau khi dự án đã được thực hiện đầy đủ và tuân thủ các quy định của Nghị định 11/2013/NĐ-CP ngày 14/01/2013 của Chính phủ về quản lý đầu tư phát triển đô thị; Thông tư liên tịch số 20/2013/TTLT-BXD-BNV ngày 21/11/2013 của Bộ Xây dựng và Bộ Nội vụ; các quy định khác có liên quan; sau khi đầu tư hoàn chỉnh hệ thống hạ tầng kỹ thuật được Sở Xây dựng cùng các Sở, ngành, địa phương kiểm tra thống nhất đưa vào sử dụng và bàn giao quỹ đất dành để tái định cư và nhà ở xã hội cho UBND thành phố Biên Hòa quản lý.

- Tổ chức theo dõi và phối hợp với Sở Xây dựng, UBND thành phố Biên Hòa cùng các đơn vị liên quan để giám sát, kiểm tra đảm bảo việc xây dựng nhà ở của người dân đúng theo quy hoạch chi tiết, thiết kế mẫu nhà đã được duyệt.

- Thực hiện báo cáo tình hình triển khai, kết quả thực hiện dự án theo định kỳ và khi kết thúc dự án theo quy định của pháp luật về nhà ở và pháp luật về kinh doanh bất động sản.

- Thực hiện đầy đủ các cam kết trong hợp đồng kinh doanh sản phẩm của dự án, bàn giao nhà ở và các giấy tờ liên quan đến nhà ở giao dịch cho khách hàng; thực hiện giao dịch mua bán, cho thuê, cho thuê mua nhà ở và kinh doanh quyền sử dụng đất theo đúng quy định của pháp luật về kinh doanh bất động sản.

- Trong thời hạn 50 ngày, kể từ ngày bàn giao nhà ở cho người mua hoặc kể từ thời điểm bên thuê mua đã thanh toán đủ tiền theo thỏa thuận thì phải làm thủ tục đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận cho người mua, người thuê nhà ở, trừ trường hợp người mua, thuê mua tự nguyện làm thủ tục đề nghị cấp Giấy chứng nhận.

- Bảo hành nhà ở theo quy định của Luật Nhà ở 2014 và pháp luật về xây dựng; thực hiện các nghĩa vụ tài chính cho Nhà nước theo quy định của pháp luật.

- Chấp hành các quyết định đã có hiệu lực pháp luật của cơ quan có thẩm quyền về xử lý hành vi vi phạm pháp luật khi có sai phạm trong việc phát triển nhà ở, huy động vốn, ứng tiền trước của khách hàng, thực hiện các giao dịch nhà ở và các hoạt động khác. Bồi thường trong trường hợp gây thiệt hại cho khách hàng hoặc cho tổ chức, cá nhân, hộ gia đình tham gia đầu tư xây dựng nhà ở.

- Trước khi phê duyệt và triển khai thực hiện dự án, Chủ đầu tư phải liên hệ với các cơ quan đơn vị liên quan (cấp điện, cấp nước, viễn thông) để thỏa thuận đầu nối và được các cơ quan có thẩm quyền liên quan chấp thuận.

18. Trách nhiệm của chính quyền địa phương đối với dự án:

- UBND thành phố Biên Hòa phối hợp cùng Sở Xây dựng, Sở Tài nguyên và Môi trường và các Sở ngành liên quan tham mưu UBND tỉnh tiếp nhận quỹ đất nhà ở xã hội và tái định cư trong dự án do Công ty Cổ phần Phát triển hạ tầng An Hưng Phát bàn giao sau khi đầu tư xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật để quản lý, bố trí tái định cư và phát triển nhà ở xã hội theo quy định hiện hành.

- Sở Xây dựng, UBND thành phố Biên Hòa và các đơn vị liên quan thực hiện chức năng quản lý nhà nước tại địa phương, giám sát Chủ đầu tư triển khai thực hiện dự án theo đúng tiến độ và quy hoạch được duyệt; cập nhật bổ sung dự án vào Chương trình phát triển nhà ở của tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh phê duyệt trong lần điều chỉnh tiếp theo.

- UBND thành phố Biên Hòa và các cơ quan quản lý chuyên ngành địa phương có trách nhiệm tiếp nhận hệ thống hạ tầng kỹ thuật và công trình công cộng do Chủ đầu tư bàn giao và tổ chức quản lý theo quy định.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Giao thông Vận tải, Công Thương, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Cục thuế Đồng Nai, Chủ tịch UBND thành phố Biên Hòa, Chủ tịch UBND xã Phước Tân, Giám đốc Công ty Cổ phần Phát triển hạ tầng An Hưng Phát, Thủ trưởng các đơn vị và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Chánh, Phó Văn phòng CNN;
- Lưu: VT, CNN.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Văn Vĩnh

ĐỒNG NAI